**KHUNG MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ 2 MÔN TOÁN – LỚP 11- CÁNH DIỀU**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT**  (1**)** | **Chương/Chủ đề**  (2) | **Nội dung/đơn vị kiến thức**  (3) | **Mức độ đánh giá**  (4 - 11) | | | | | | | | **Tổng % điểm**  (12) |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |  |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |  |
| **1** | **Một số yếu tố thống kê và xác suất (5 tiết)** | *Biến cố hợp và biến cố giao. Biến cố độc lập và các quy tắc tính xác suất (4 tiết)* | 1 - 3 | 0 | 4 - 6 | 0 | 0 | TL1 | 0 | 0 | 22% |
| **2** | **Hàm số mũ và hàm số lôgarit**  **( 12 tiết)** | *Phép tính lũy thừa với số mũ thực (3 tiết)* | 7 - 9 | 0 | 10 - 11 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 10% |
| *Phép tính lôgarit (2 tiết)* | 12 - 13 | 0 | 14 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 6% |
| *Hàm số mũ. Hàm số lôgarit (3 tiết)* | 15 - 17 | 0 | 18 - 19 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 10% |
| *Phương trình, bất phương trình mũ và lôgarit (3 tiết)* | 20 - 22 | 0 | 23 - 24 | 0 | 0 | 0 | 0 | TL3 | 15% |
| **3** | **Quan hệ vuông góc trong không gian. Phép chiếu vuông góc**  **(8 tiết)** | *Hai đường thẳng vuông góc (1 tiết)* | 25 | 0 | 26 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 4% |
| *Đường thẳng vuông góc với mặt phẳng (4 tiết)* | 27 - 29 | 0 | 30 - 31 | 0 | 0 | TL2 | 0 | 0 | 20% |
| *Góc giữa đường thẳng và mặt phẳng. Góc nhị diện (3 tiết)* | 32 - 33 | 0 | 34 - 35 | 0 | 0 | 0 | 0 | TL4 | 13% |
| **Tổng** | | | **20** | **0** | **15** | **0** | **0** | **2** | **0** | **2** |  |
| **Tỉ lệ %** | | | **40%** | | **30%** | | **20%** | | **10%** | | **100%** |
| **Tỉ lệ chung** | | | **70%** | | | | **30%** | | | | **100%** |

***Ghi chú:*** *35 câu TNKQ (0,2 điểm / câu); 04 câu Tự luận (câu 1-2: 1 điểm/câu và câu 3-4: 0,5 điểm/câu)*

- Cột 2 và cột 3 ghi tên chủ đề như trong Chương trình giáo dục phổ thông môn Toán 2018, gồm các chủ đề đã dạy theo kế hoạch giáo dục tính đến thời điểm kiểm tra.

- Cột 12 ghi tổng % số điểm của mỗi chủ đề.

* Tỉ lệ % số điểm của các chủ đề nên tương ứng với tỉ lệ thời lượng dạy học của các chủ đề đó.

- Tỉ lệ các mức độ đánh giá

***Nhận biết: 40%;***

***Thông hiểu: 30%;***

***Vận dụng: 20%;***

***Vận dụng cao: 10%.***

- Tỉ lệ điểm TNKQ khoảng 70%, TL khoảng 30%.

- Số câu hỏi TNKQ 35 câu, mỗi câu 0,2 điểm; TL 4 câu , *câu 1-2: 1 điểm/câu và câu 3-4: 0,5 điểm/câu*.